

Số: 05 /2022/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-STNMT ngày 04/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu nộp tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển**

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang như sau:

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m<sup>3</sup>.

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ



khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm.

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lấn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.500.000 đồng/ha/năm.

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm.

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 4.000.000 đồng/ha/năm.

e) Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.500.000 đồng/ha/năm.

2. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

3. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

### **Điều 3. Thời gian áp dụng**

Mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điều 2 Quyết định này được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021. *Đ. Kiên*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5 của Quyết định;
- Chính phủ;
- Bộ TN&MT;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Tổ chức thành viên;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (05 bản);
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- LĐVP, P.KT; P.TH;
- Lưu: VT, STN&MT, hdtan (01 bản). (157)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhân**

KIÊN GIANG